

BÁO CÁO CẬP NHẬT

Ngành Ngân hàng

QUÝ 1 NĂM 2026

10/06/2026

Biên lãi ròng và áp lực thanh khoản hệ thống được kỳ vọng cải thiện trong H2 2026

Tín dụng toàn hệ thống Q1/2026 tăng 3,18% so với đầu năm (T4: +4,42% YTD), thấp hơn so với cùng kỳ khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có sự kiểm soát về tăng trưởng tín dụng trong 3T/2026. Huy động vốn toàn ngành tiếp tục chịu áp lực trong bối cảnh thanh khoản hệ thống căng thẳng khi tín dụng (+19,3% YoY), vượt xa huy động (+12,9% YoY) trong Q1/2026, đẩy tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) thuần toàn ngành lên mức kỷ lục 113,9% (Q4/2025: 110,6%).

Áp lực thanh khoản và cạnh tranh trong hoạt động huy động khiến lãi suất tiền gửi tiếp tục tăng, làm tổng chi phí vốn¹ tăng trong Q1/2026 (+32 đcb QoQ), thu hẹp biên lãi ròng (NIM) về 2,95% (Q4/2025: 3,09%). Tuy vậy, tổng lợi nhuận được bù đắp một phần bởi thu nhập từ dịch vụ (Q1/2026: +43% YoY) và chi phí hoạt động được tối ưu (CIR giảm về 29,8%, Q1/2025: 31,3%). Q1/2026 tổng lợi nhuận sau thuế (LNST) tăng 13,7% YoY.

Chất lượng tài sản Q1/2026 suy giảm nhẹ so với cùng kỳ, tỷ lệ nợ xấu (NPL) và nợ nhóm 2 của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi ghi nhận xu hướng tăng nhẹ trong Q1/2026, lần lượt đạt mức 2,00% và 1,23% (so với mức 1,86% và 1,17% năm 2025). Bộ đệm dự phòng tiếp tục mỏng dần khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi trong Q1/2026 giảm về mức 79,6% (-329 đcb QoQ).

Chúng tôi duy trì dự báo về tăng trưởng tín dụng hệ thống năm 2026 là 16,0%, trong đó tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 16,9%, được thúc đẩy bởi nhu cầu vốn từ đầu tư hạ tầng và năng lượng. Chúng tôi kỳ vọng áp lực thanh khoản hệ thống sẽ giảm trong nửa cuối năm 2026 nhờ giải ngân đầu tư công tích cực, song lãi suất huy động vẫn chịu áp lực tăng nhẹ. Chất lượng tài sản duy trì ổn định với NPL của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi dự kiến tăng nhẹ lên 1,90% và bộ đệm dự phòng tiếp tục mỏng dần (LLCR 81,9%). LNST 2026 toàn danh mục theo dõi dự kiến tăng 13,4% YoY, nhờ kiểm soát tốt chi phí hoạt động và thu ngoài lãi tăng 4,3% YoY.

Nguyễn Duy Tùng

Phó Trưởng phòng Phân tích

tungnd@tmr.vn

Nội dung

Tăng trưởng tín dụng	2
Nguồn vốn và thanh khoản	4
Chất lượng tài sản	7
Khả năng sinh lời	9
Phụ lục 1: Danh sách các ngân hàng	13
Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu chính	14
Phụ lục 3: Cập nhật thay đổi pháp lý	15
Phụ lục 4: Kế hoạch kinh doanh 2026	16

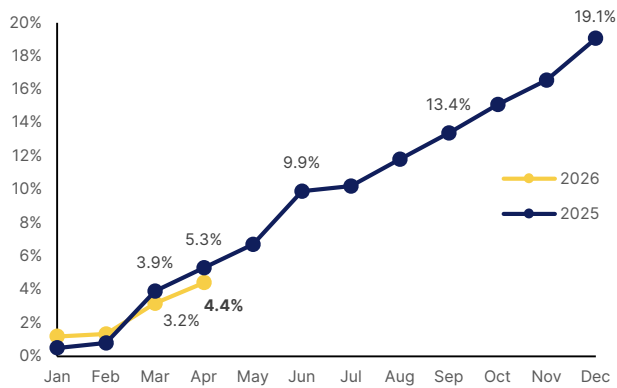
¹ Các chỉ tiêu được tính trên số liệu tổng của 27 ngân hàng trong danh mục theo dõi của chúng tôi

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Tăng trưởng tín dụng Q1/2026 thấp hơn so với cùng kỳ và phân hóa giữa các nhóm ngân hàng

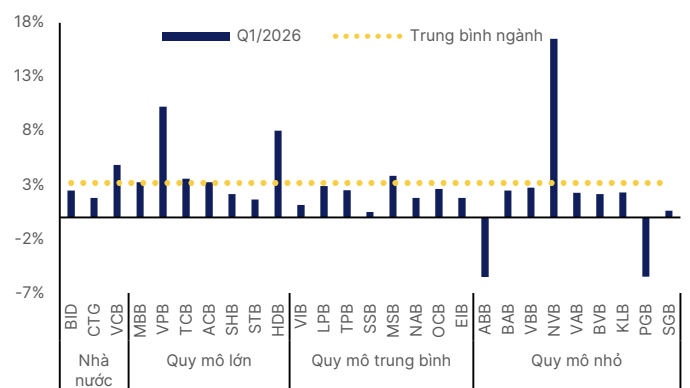
Dư nợ tín dụng toàn hệ thống Q1/2026 tăng 3,18% YTD (T4/2026: +4,42% YTD), thấp hơn so với cùng kỳ (Q1/2025: +3,9% YTD, T4/2025: +5,3% YTD), trong bối cảnh NHNN có kiểm soát tăng trưởng tín dụng cho từng NHTM trong 3T/2026 không quá 25% chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm. Tốc độ tăng trưởng tín dụng trong Q1/2026 có sự chênh lệch lớn giữa các nhóm, trong khi VPB (+10,2% YTD Q1), HDB (+8,0% YTD) và VCB (+4,8% YTD), phần lớn các ngân hàng quy mô trung bình và nhỏ tăng trưởng thấp, một số NHTM CP ghi nhận tăng trưởng âm (ABB, PGB).

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống lũy kế theo tháng [%YTD]



Nguồn: NHNN, TMR

Tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trong danh mục theo dõi [%YTD]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

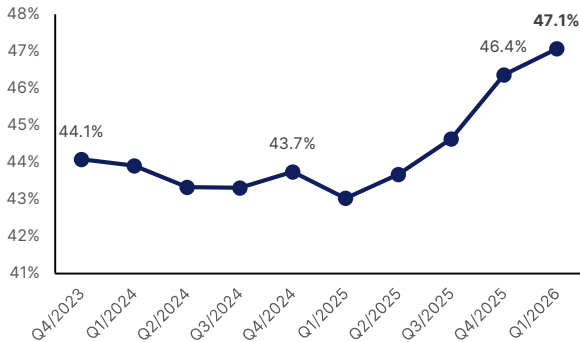
Tín dụng Q1/2026 dẫn dắt bởi khách hàng doanh nghiệp; tỷ trọng cho vay trung dài hạn tăng quý thứ tư liên tiếp

Chúng tôi cho rằng ² động lực tăng trưởng tín dụng trong Q1/2026 vẫn chủ yếu đến từ khách hàng doanh nghiệp. Trong đó, lĩnh vực xây dựng có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ được hưởng lợi trực tiếp từ việc đẩy mạnh tiến độ giải ngân các dự án đầu tư công trọng điểm. Đối với tín dụng BĐS, đã tăng tại một số NHTM CP có giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên mức tăng vẫn lớn. Tỷ trọng cho vay kinh doanh bất động sản ("BĐS") trên tổng dư nợ tại các NHTMCP tư nhân lớn duy trì ở mức cao và không thay đổi đáng kể so với cuối năm 2025.

Tỷ trọng cho vay trung dài hạn của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tiếp tục xu hướng tăng, đạt 47,1% tại Q1/2026 (Q4/2025: 46,4%), mức cao nhất kể từ năm 2022, tạo áp lực cho các NHTM trong việc cân đối cơ cấu kỳ hạn giữa huy động (trong đó vốn ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn) và cho vay, trong bối cảnh lãi suất huy động vẫn tiếp tục áp lực gia tăng.

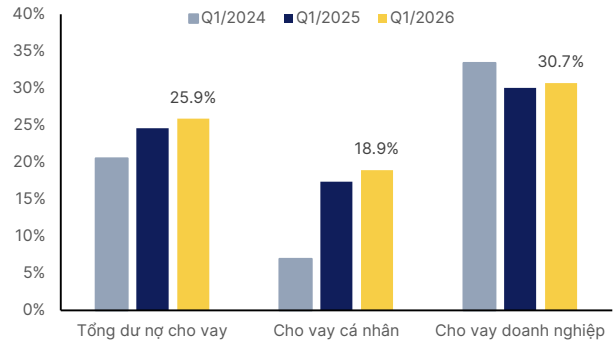
² Ước lượng của chúng tôi dựa vào thông tin phân nhóm dư nợ tín dụng của NHTM do NHNN công bố và thông tin chi tiết của một số NHTM CP công bố trong BCTC.

Tỷ trọng cho vay trung dài hạn trong tổng dư nợ tín dụng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

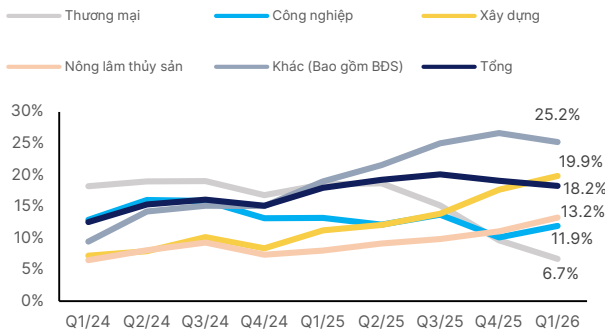
Tăng trưởng cho vay theo loại hình khách hàng [%YoY]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

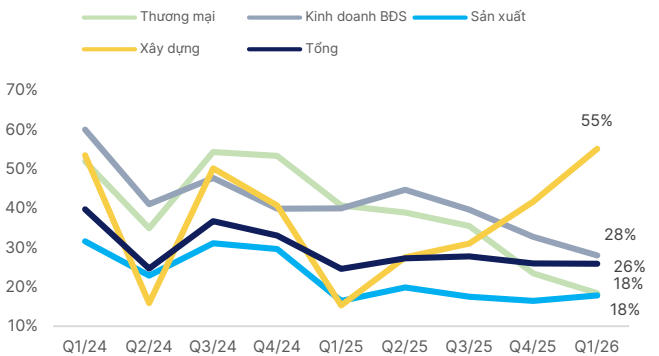
Ghi chú: Số liệu trung bình được tính trên thông tin công bố của các ngân hàng MBB, VPB, TCB, SHB, HDB, VIB, LPB, TPB, MSB, BVB, KLB và PGB

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống theo lĩnh vực kinh tế [%YoY]



Nguồn: NHNN, TMR

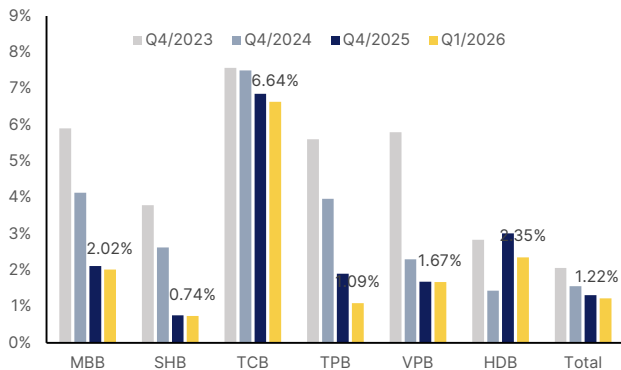
Tăng trưởng cho vay theo lĩnh vực kinh tế [%YoY]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

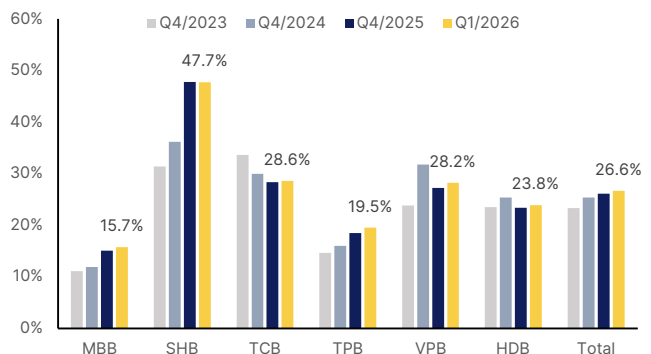
Ghi chú: Số liệu được tính trên thông tin công bố của các ngân hàng MBB, VPB, TCB, SHB, HDB, VIB, LPB, TPB, MSB, BVB, KLB và PGB

Tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp trên tổng dư nợ tín dụng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ trọng cho vay kinh doanh BĐS và xây dựng trên tổng dư nợ tín dụng [%]

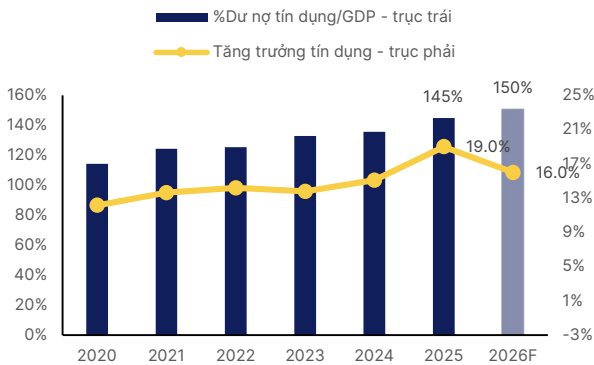


Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tín dụng được kỳ vọng tăng 16% trong năm 2026, dẫn dắt bởi nhu cầu vốn cho hạ tầng và năng lượng

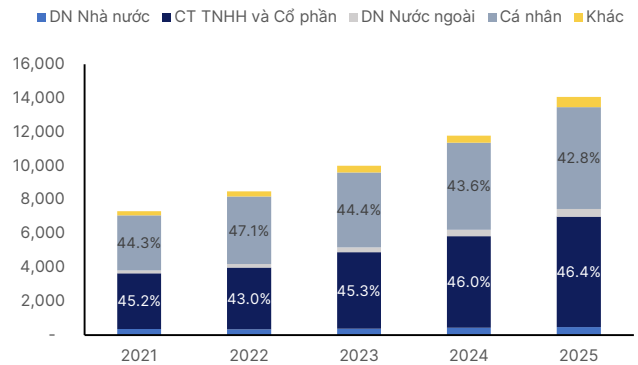
Cho cả năm 2026, chúng tôi duy trì kỳ vọng tăng trưởng tín dụng hệ thống đạt 16,0%, trong đó tăng trưởng tín dụng của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 16,9%, khách hàng doanh nghiệp tiếp tục là động lực chính, được thúc đẩy bởi nhu cầu vốn từ kế hoạch đầu tư hạ tầng và năng lượng. Tương tự như Q1/2026, chúng tôi cho rằng sự phân hóa trong tăng trưởng tín dụng giữa các NHTM tham gia nhận chuyển giao, hỗ trợ ngân hàng yếu kém và nhóm NHTM quy mô trung bình – nhỏ sẽ tiếp tục trong các quý tiếp theo.

Tăng trưởng tín dụng và Tỷ lệ dư nợ tín dụng/GDP [%YoY]



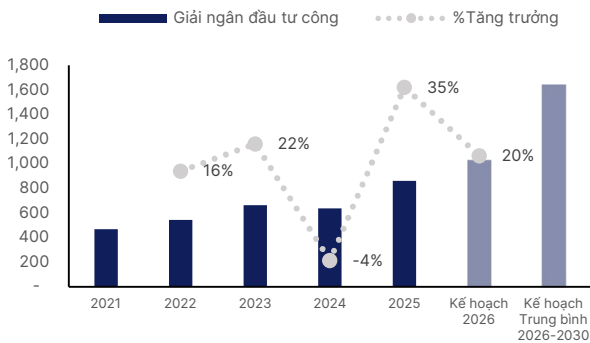
Nguồn: NHNN, TMR dự phóng

Tỷ trọng cho vay theo nhóm khách hàng [nghìn tỷ đồng]



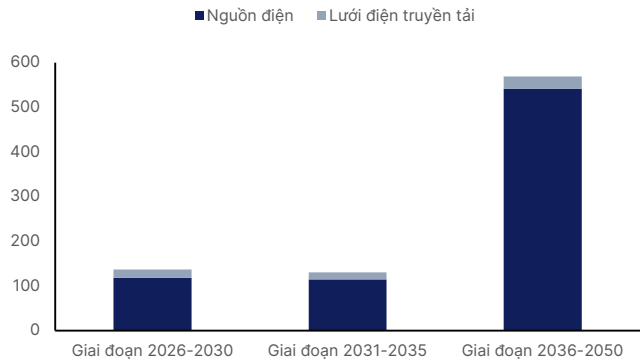
Nguồn: Các ngân hàng

Giải ngân đầu tư công [nghìn tỷ đồng]



Nguồn: Bộ Tài chính, TMR

Kế hoạch đầu tư ngành điện giai đoạn 2026-2050 [tỷ USD]



Nguồn: Quy hoạch điện VIII điều chỉnh

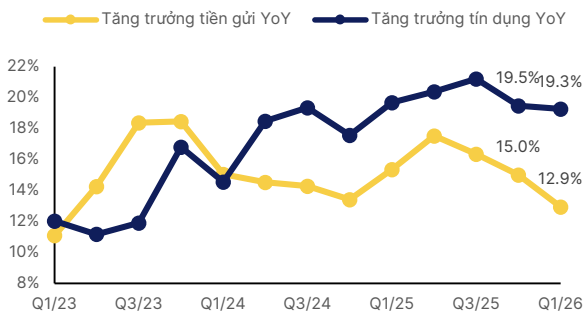
NGUỒN VỐN VÀ THANH KHOẢN

Chênh lệch tín dụng-huy động tiếp tục mở rộng trong Q1/2026 đẩy LDR thuần lên mức kỷ lục; áp lực thanh khoản vẫn cao dù Thông tư 08/2026 đã hỗ trợ một phần nhóm NHTMNN

Chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động tiếp tục mở rộng trong Q1/2026 khi tăng trưởng tiền gửi chỉ đạt 0,6% YTD, thấp hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng 3,18% YTD. Mức tăng trưởng huy động thấp do sự sụt giảm 2,7% YTD tiền gửi của các tổ chức kinh tế, chủ yếu do yếu tố mùa vụ. Tăng trưởng tiền gửi của các NHTM cũng ghi nhận sự phân hóa, phù hợp tiến độ giải ngân của từng ngân hàng và tối ưu hóa chi phí vốn (COF) trong bối cảnh mặt bằng lãi suất ở mức cao. CASA của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi giảm còn 20,8% tại Q1/2026, một phần do lãi suất tiền gửi tăng làm dòng tiền dịch chuyển sang kênh có kỳ hạn.

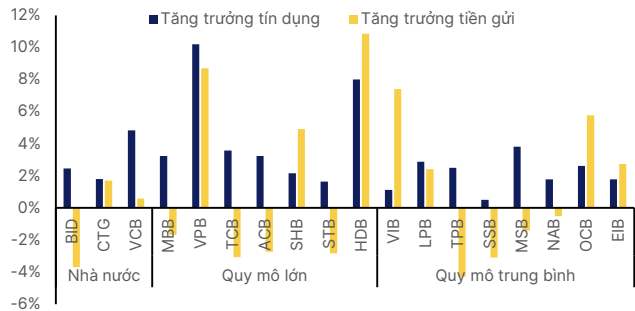
Xét theo năm, quý I/2026, tín dụng toàn ngành tăng 19,3% YoY, trong khi huy động toàn ngành chỉ tăng 12,9% YoY. Tỷ lệ LDR thuần toàn hệ thống tăng lên mức 113,9% tại Q1/2026. Áp lực thanh khoản thể hiện rõ nét tại nhóm các NHTM NN, khi tỷ lệ LDR quy định đã gần chạm ngưỡng 85% (theo cách tính cũ) cuối Q1/2026. Tuy nhiên, Thông tư 08/2026/TT-NHNN (có hiệu lực từ 15/05/2026) cho phép tính thêm 20% tiền gửi Kho bạc Nhà nước vào cấu phần huy động, qua đó làm giảm tỷ lệ LDR của nhóm NHTMNN khoảng 1,1% – 1,5%, theo ước tính của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, áp lực thanh khoản hệ thống vẫn cao. Ngoài ra, chúng tôi lưu ý một số quy định mới trong Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2019 về thay đổi cách tính tỷ lệ LDR, trong đó có đề xuất bỏ nguồn vốn liên ngân hàng trong cách tính tỷ lệ Dự nợ tín dụng/Huy động trong khi vẫn duy trì mức trần 85%, có thể làm gia tăng áp lực thanh khoản cho hệ thống.

Tăng trưởng tiền gửi và tín dụng [% YoY]



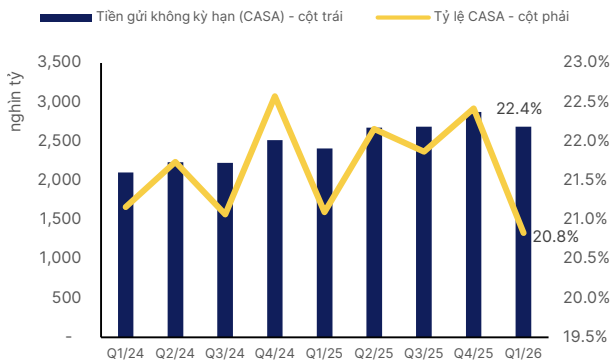
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tăng trưởng tiền gửi và tín dụng của một số ngân hàng [% YTD]



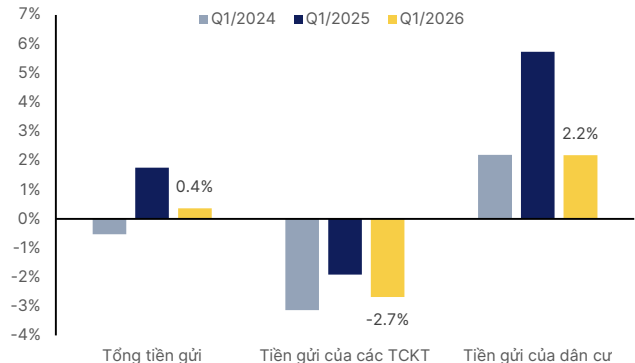
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn [%]



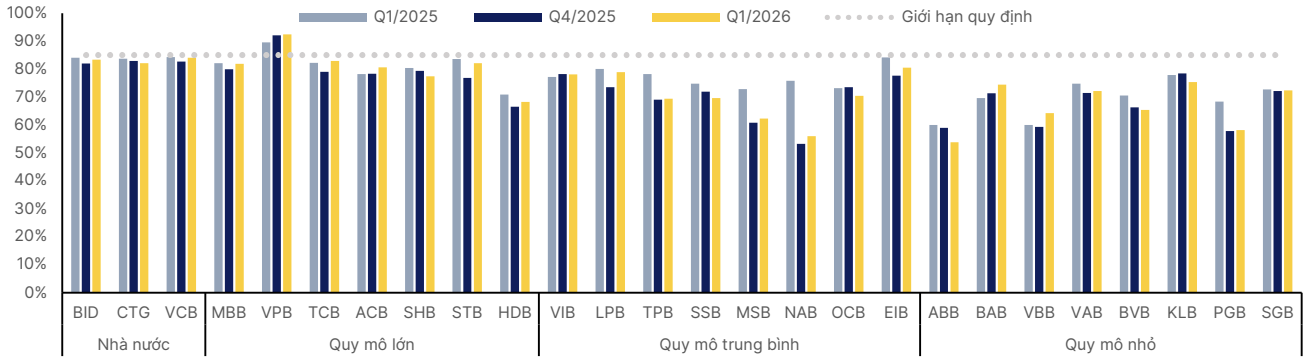
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tăng trưởng tiền gửi theo loại hình khách hàng toàn hệ thống [% YTD]



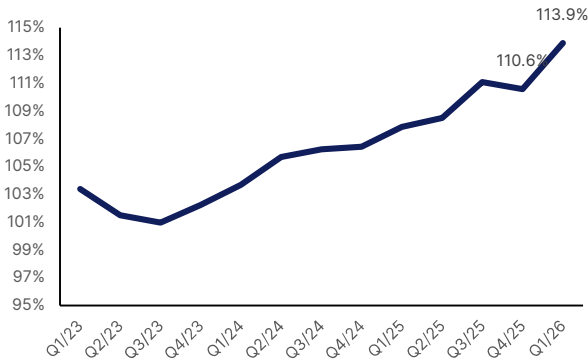
Nguồn: SBV, TMR

Tỷ lệ cho vay/huy động vốn [%]



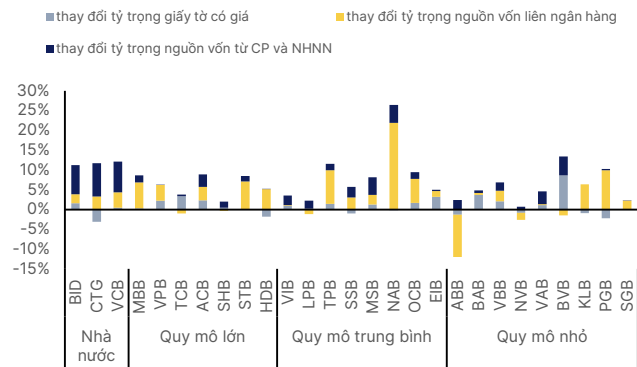
Nguồn: Các ngân hàng, TMR
Ghi chú: LDR được ước tính dựa trên các số liệu của báo cáo tài chính được công bố bởi các ngân hàng. LDR quý Q1/2026 đã được ước tính dựa trên thông tin 08/2026/TT-NHNN.

Tỷ lệ Dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi khách hàng [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Thay đổi tỷ trọng các nguồn vốn khác [đp]



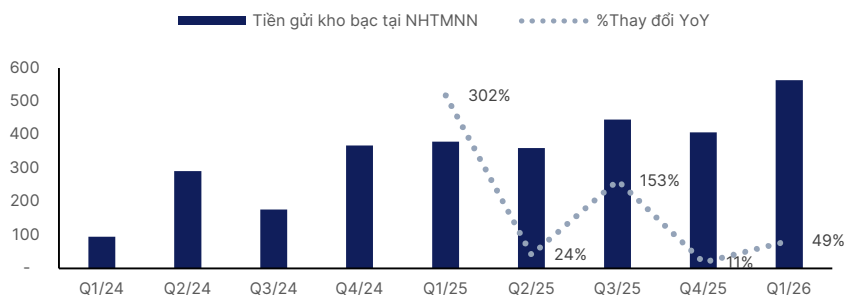
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Thanh khoản được kỳ vọng hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026

Số dư tiền gửi Kho bạc Nhà nước (KBNN) tại nhóm NHTMNN niêm yết (BID, CTG, VCB) đạt 563 nghìn tỷ đồng tại cuối Q1/2026, tăng 39% so với cuối 2025 và 49% YoY. Mức tăng mạnh đầu năm phản ánh một phần đặc thù mùa vụ của dòng vốn ngân sách, biến động theo tiến độ thu, chi ngân sách và tốc độ giải ngân đầu tư công chưa mạnh.

Chúng tôi kỳ vọng thanh khoản hệ thống sẽ bớt căng thẳng trong nửa cuối năm 2026, nhờ (i) tiến độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh giúp cải thiện dòng tiền trong nền kinh tế, với kế hoạch giải ngân đầu tư công năm 2026 khoảng hơn 1 triệu tỷ đồng và (ii) NHNN tiếp tục duy trì hỗ trợ thanh khoản qua kênh thị trường mở.

Tiền gửi kho bạc tại các NHTM Nhà nước [nghìn tỷ]

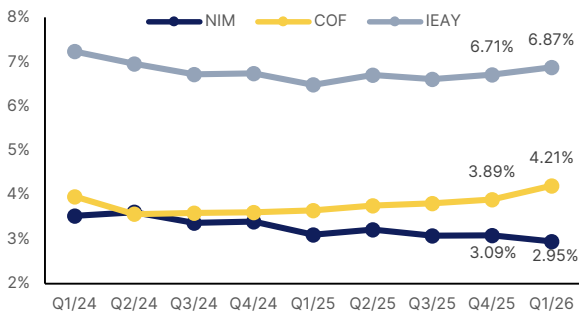


Nguồn: Các ngân hàng, TMR
Ghi chú: Tiền gửi kho bạc được tính tổng của các NHTMNN bao gồm BID, CTG và VCB

Lãi suất huy động duy trì ở mức cao do căng thẳng thanh khoản hệ thống, đẩy chi phí vốn tăng mạnh trong Q1/2026

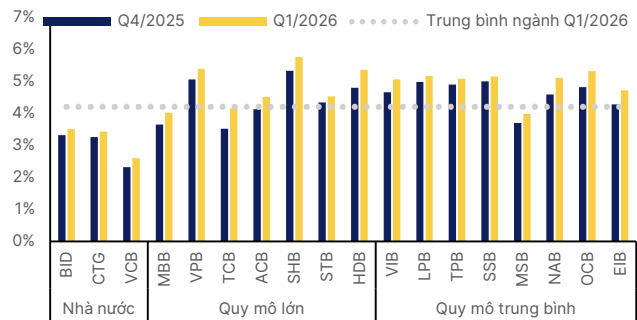
Áp lực thanh khoản của các NHTM được kỳ vọng sẽ cải thiện, tuy nhiên vẫn ở mức cao và nhu cầu tái cấp vốn cho các doanh nghiệp bất động sản trong bối cảnh khối lượng trái phiếu đáo hạn nửa cuối năm 2026 lớn (khoảng 58 nghìn tỷ VND) sẽ tiếp tục gây áp lực lên mặt bằng lãi suất huy động. Chúng tôi dự báo lãi suất huy động sẽ tiếp tục tăng thêm khoảng 25 – 50 điểm cơ bản trong thời gian còn lại của năm 2026, đẩy chi phí vốn (COF) của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi cả năm 2026 lên khoảng 4,47%, cao hơn 76 điểm cơ bản so với mức trung bình năm 2025.

Chi phí vốn [%/năm]



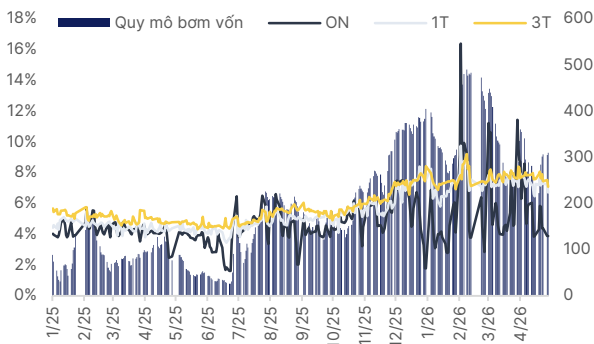
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Chi phí vốn của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%/năm]



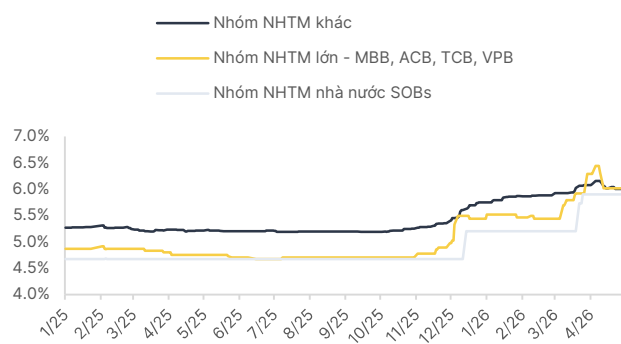
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Lãi suất liên ngân hàng [%/năm]



Nguồn: Fiinpro-X, TMR

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng [%/năm]



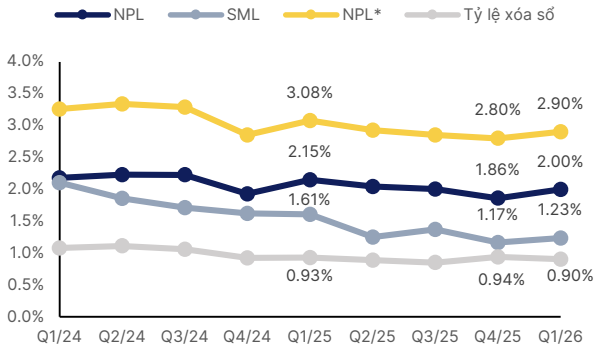
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 tăng nhẹ trong Q1/2026, tập trung ở STB, HDB và EIB; bộ đệm dự phòng tiếp tục suy giảm

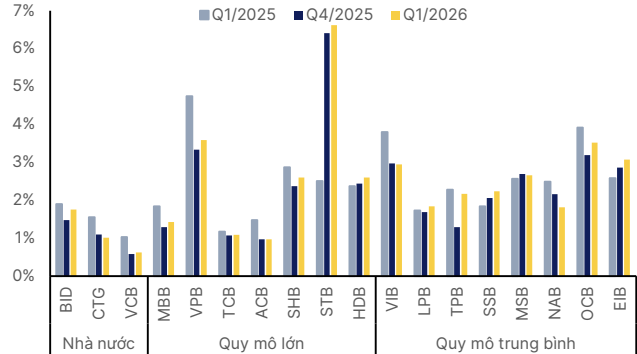
Tỷ lệ NPL và nợ nhóm 2 toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi ghi nhận xu hướng tăng nhẹ trong Q1/2026, lần lượt đạt mức 2,00% và 1,23% (so với mức 1,86% và 1,17% tại cuối năm 2025). Trong đó, STB, HDB và EIB có tốc độ gia tăng nợ xấu mạnh nhất. Tỷ lệ LLCR toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tính đến cuối quý I/2026 đã giảm về mức 79,6% (-329 đcb QoQ).

Tỷ lệ nợ xấu, nợ nhóm 2 [%]



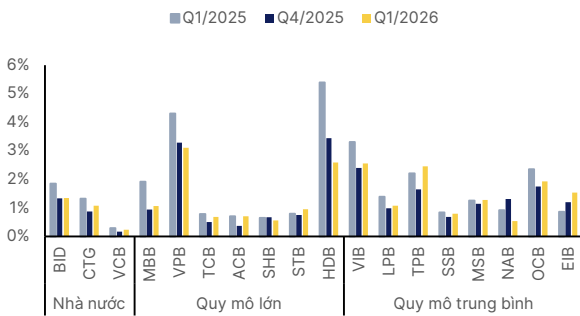
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



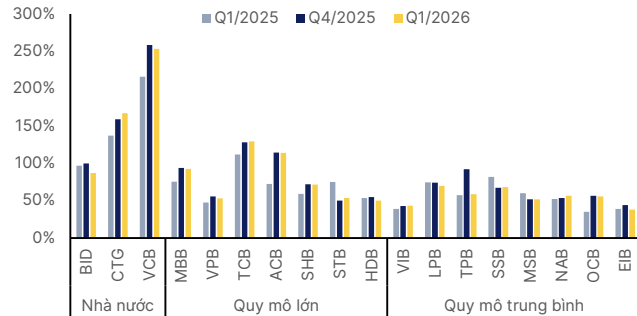
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ nợ nhóm 2 của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ lệ LLCR của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

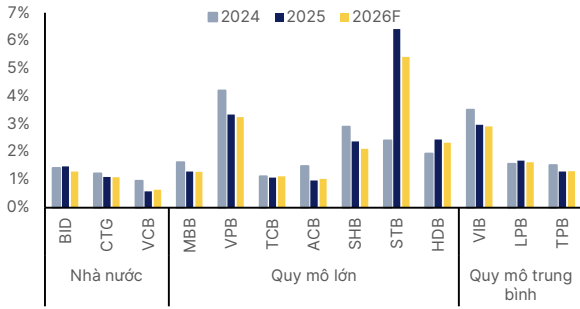
Chất lượng tài sản 2026 dự kiến duy trì ổn định với tỷ lệ NPL của toàn ngân hàng trong danh mục tăng nhẹ lên 1,90%, trong khi bộ đệm dự phòng và chi phí tín dụng giảm nhẹ so với năm 2025

Cho cả năm 2026, chúng tôi dự phóng tỷ lệ NPL toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi sẽ tăng nhẹ lên mức 1,90% (so với mức 1,86% của năm 2025). Dự báo của chúng tôi được đưa ra dựa trên các yếu tố, bao gồm: (i) tốc độ hình thành nợ xấu mới trong các quý gần đây; (ii) tốc độ tăng trưởng tín dụng mạnh, đặc biệt là cho lĩnh vực bất động sản trong hai năm vừa qua; và (iii) áp lực tăng lãi suất huy động đang hiện hữu, tuy nhiên được giảm nhẹ một phần do (iv) tăng trưởng kinh tế vĩ mô tích cực và chính sách tài khóa mở rộng của Chính phủ.

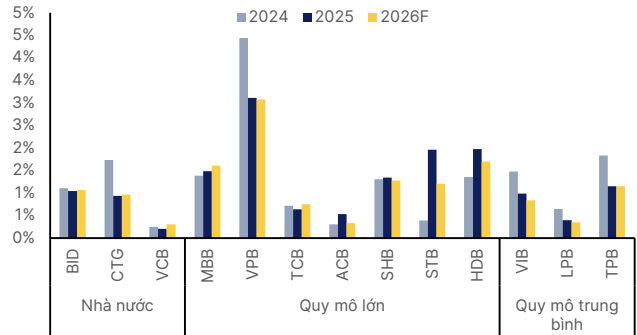
Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ LLCR của toàn ngân hàng trong danh mục sẽ giảm nhẹ về 81,9%, do các ngân hàng cân đối để đạt lợi nhuận mục tiêu đề ra. Tương ứng với tổng chi phí tín dụng sẽ giảm nhẹ về mức 1,08% vào cuối năm 2026, thấp hơn mức 1,11% ghi nhận vào năm 2025.

Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]

Chi phí tín dụng của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR dự phóng



Nguồn: Các ngân hàng, TMR dự phóng

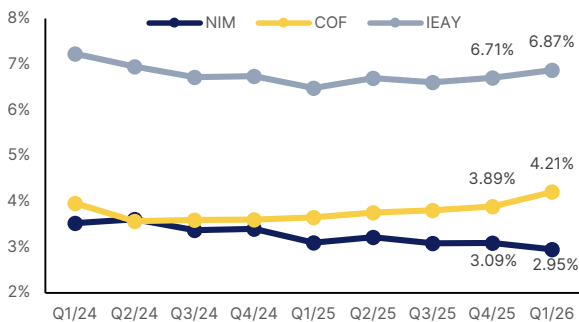
KHẢ NĂNG SINH LỜI

NIM toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi của chúng tôi tiếp tục thu hẹp trong Q1/2026 khi chi phí vốn gia tăng

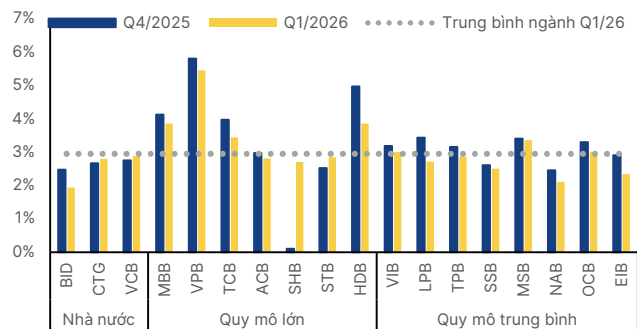
Biên lãi ròng (NIM) của toàn ngân hàng trong danh mục giảm về 2,95% trong Q1/2026, từ mức 3,09% tại Q4/2025, do chi phí vốn tăng (32 đcb QoQ) nhanh hơn mức cải thiện của lợi suất tài sản sinh lãi (IEAY) (17 đcb). Phần lớn ngân hàng ghi nhận NIM giảm so với Q4/2025, ngoại trừ CTG và VCB với NIM cải thiện 13–14 điểm cơ bản nhờ cơ cấu nguồn vốn ổn định. Chúng tôi kỳ vọng NIM 2026 của toàn ngân hàng trong danh mục giảm nhẹ về 3,04% (2025: 3,06%) do (i) COF tiếp tục chịu áp lực từ lãi suất huy động gia tăng (+76 đcb YoY) và tỷ lệ CASA giảm (-84 đcb YoY); tuy nhiên được bù đắp một phần bởi (ii) IEAY dự kiến tăng nhẹ (+68 đcb YoY) do tỷ trọng cho vay trung dài hạn tăng cao.

IEAY, NIM và COF [%]

NIM của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Thu nhập lãi thuần tiếp tục là động lực chính dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận trong Q1/2026, trong khi thu nhập ngoài lãi phục hồi nhờ mảng dịch vụ

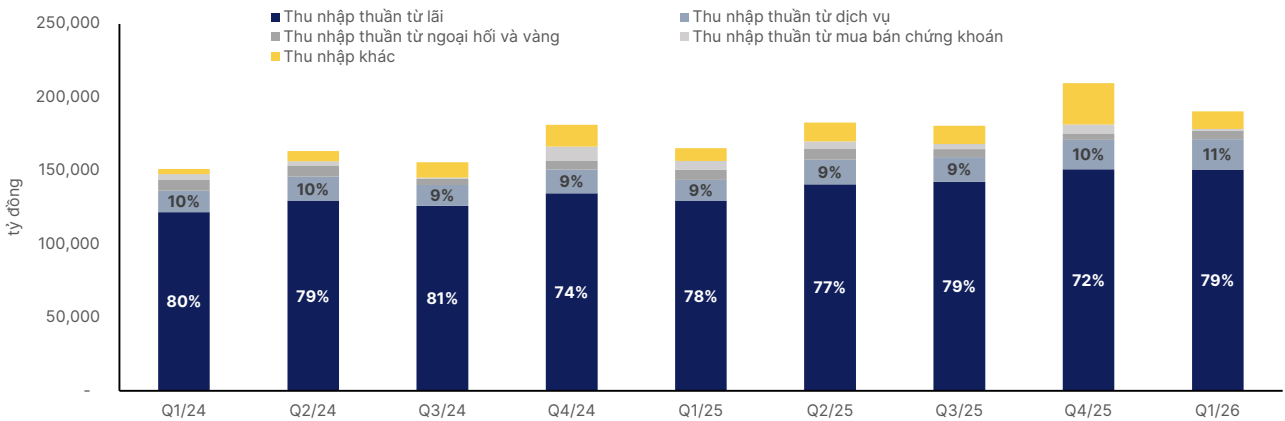
Tổng thu nhập hoạt động tăng 15,3% YoY trong Q1/2026, dẫn dắt bởi (i) thu nhập lãi thuần tăng 16,6% YoY nhờ tăng trưởng dư nợ cho vay (+19,3% YoY), trong khi (ii) thu nhập ngoài lãi tăng 10,6% YoY chủ yếu đến từ thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập từ hoạt động khác (chủ yếu là thu từ nợ xấu đã xử lý).

Trong Q1/2026, tổng thu nhập từ dịch vụ tăng 43% YoY nhờ sự phục hồi của hoạt động bancassurance và dịch vụ thanh toán; ngược lại, tổng thu nhập thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng giảm 13% YoY; tổng thu nhập thuần từ

mua bán chứng khoán giảm mạnh 82% YoY khi mặt bằng lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng trở lại trong năm 2026.

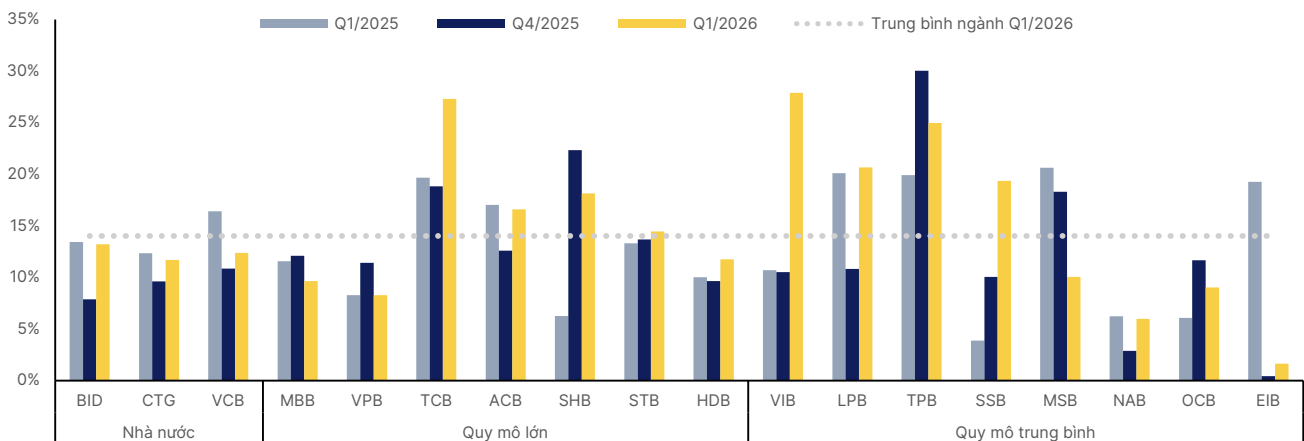
Chúng tôi kỳ vọng tổng thu nhập ngoài lãi của toàn ngân hàng trong danh mục theo dõi tăng 4,3% YoY trong năm 2026 với đóng góp chủ yếu đến từ thu nhập từ dịch vụ (+14% YoY), trong khi thu nhập từ các hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng, mua bán chứng khoán sẽ tiếp tục duy trì xu hướng giảm. Chúng tôi cho rằng tổng thu nhập từ xử lý nợ xấu sẽ không còn mang lại đột biến trong năm 2026 từ mức nền cao năm 2025 (+5,9% YoY năm 2026 so với +76,1% YoY năm 2025).

Tỷ trọng cơ cấu thu nhập [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và vàng trong tổng thu nhập hoạt động [%]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Chi phí hoạt động được kỳ vọng tiếp tục được kiểm soát tốt, hỗ trợ lợi nhuận trong 2026 trong bối cảnh NIM thu hẹp

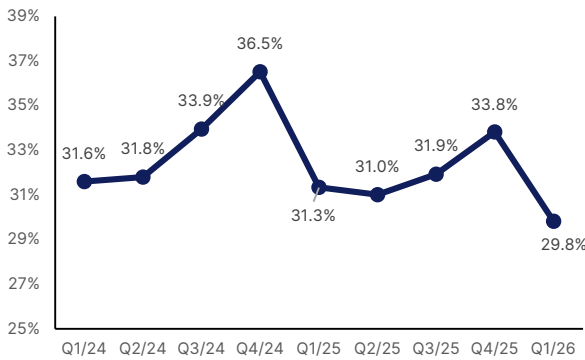
Tổng LNST toàn ngân hàng trong danh mục tăng trưởng 13,7% YoY trong Q1/2026, chủ yếu vẫn đến từ tăng trưởng thu nhập lãi thuần (+16,6% YoY). Các ngân hàng kiểm soát tốt chi phí hoạt động với CIR trung bình ngành Q1/2026 giảm về mức 29,8% (- 151 đcb so với Q1/2025), tuy nhiên, chi phí tín dụng có xu hướng tăng nhẹ, lên mức 1,09% (Q1/2025: 1,02%) khi chất lượng tài sản có dấu hiệu sụt giảm.

Chúng tôi kỳ vọng Tổng LNST năm 2026 của các ngân hàng trong danh mục tăng 13,4% YoY, được hỗ trợ bởi (i) thu nhập lãi thuần tăng 16% YoY khi tăng

trường tín dụng ước tính ở mức 16,9% YoY bù đắp cho NIM tiếp tục suy giảm nhẹ so với năm 2025 và (ii) CIR giảm 10 đcb so với năm 2025; trong khi thu nhập ngoài lãi tăng 4,3% YoY chủ yếu do tăng trưởng của hoạt động dịch vụ.

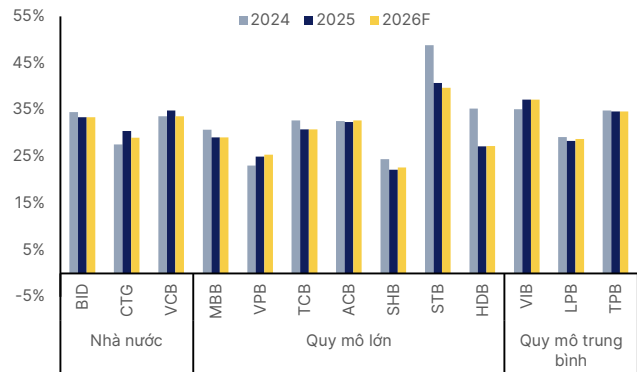
Tăng trưởng lợi nhuận dự kiến có sự phân hóa giữa các nhóm: VPB và HDB dẫn dắt tăng trưởng nhờ tăng trưởng tín dụng cao với lợi nhuận trước thuế dự phóng tăng trên 25% YoY; nhóm NHTMNN (VCB, BID, CTG) duy trì tăng trưởng thận trọng ở mức 10%-15% YoY; các ngân hàng có cơ cấu nguồn vốn kém ổn định và phụ thuộc nhiều vào thu nhập lãi sẽ chịu áp lực NIM, kéo tăng trưởng xuống thấp, dưới mặt bằng chung (dưới mức 13,4% YoY).

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập [%]



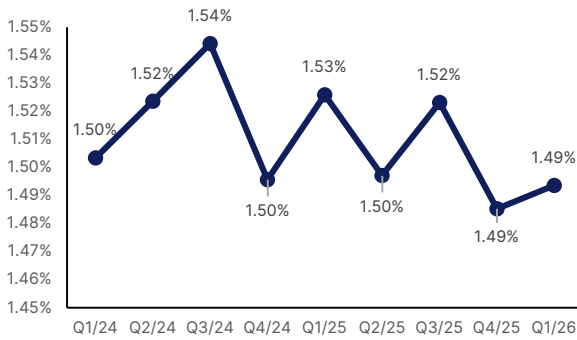
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

CIR của một số ngân hàng trong danh mục theo dõi [%]



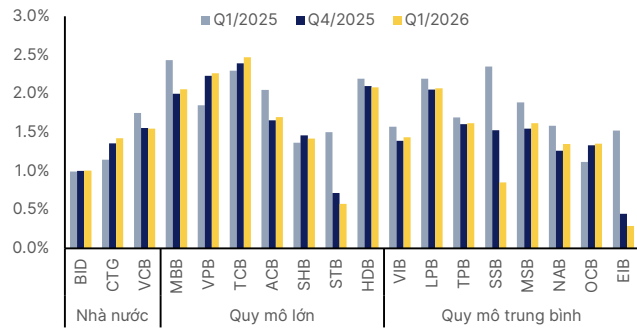
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROA trượt 12 tháng [%]



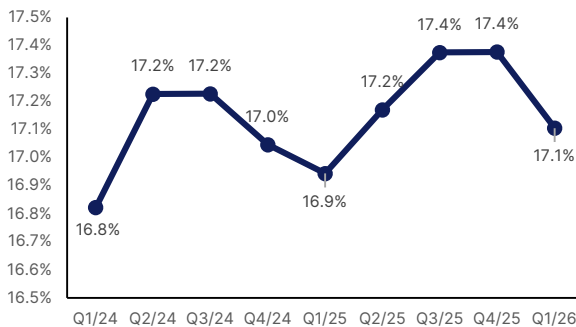
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROA trượt 12 tháng của một số NH trong danh mục theo dõi [%]



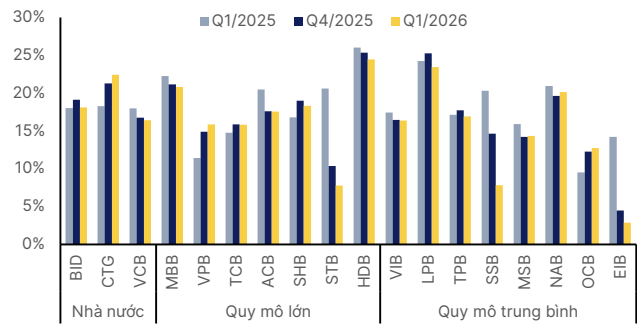
Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROE trượt 12 tháng [%/năm]



Nguồn: Các ngân hàng, TMR

ROE trượt 12 tháng của một số NH trong danh mục theo dõi [%/năm]

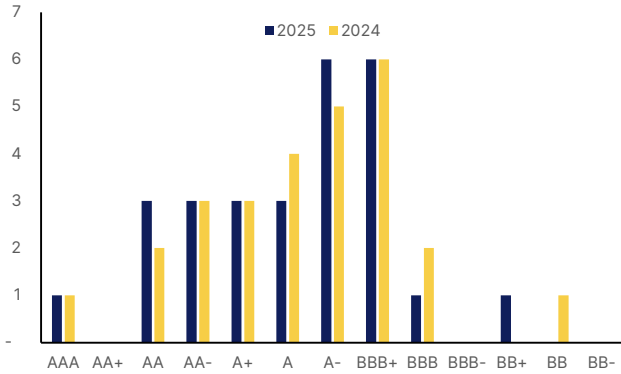


Nguồn: Các ngân hàng, TMR

Triển vọng ngành ngân hàng trong 2026 duy trì ổn định

Triển vọng ngành trong 2026 duy trì ổn định, với tăng trưởng tín dụng dự kiến đạt 16% bù đắp áp lực đến từ biên lãi thu hẹp, chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, chất lượng tài sản trong tầm kiểm soát, lợi nhuận toàn ngành tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, áp lực thanh khoản có thể xuất hiện tại một số ngân hàng có cơ cấu nguồn vốn kém ổn định và phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn liên ngân hàng.

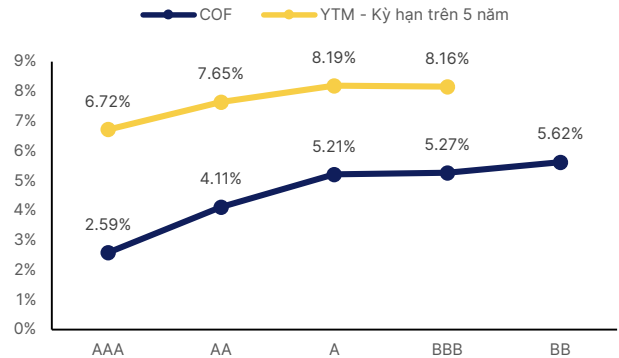
Phân bố xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của các NHTM [Số lượng]



Nguồn: TMR

Ghi chú: Đây là xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của TMR dựa trên các số liệu báo cáo tài chính năm 2025 và 2024 được các ngân hàng công bố.

COF và YTM bình quân [%/năm]



Nguồn: TMR

Ghi chú: Xếp hạng tín nhiệm sơ bộ của TMR dựa trên các số liệu báo cáo tài chính năm 2025 và 2024 được các ngân hàng công bố.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG TRONG DANH MỤC THEO DÕI

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại (*)
1	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
2	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
3	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	NHTMCP Nhà nước
4	MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	NHTMCP Quy mô lớn
5	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Quy mô lớn
6	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Quy mô lớn
7	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	NHTMCP Quy mô lớn
8	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	NHTMCP Quy mô lớn
9	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	NHTMCP Quy mô lớn
10	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Quy mô lớn
11	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
12	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
13	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	NHTMCP Quy mô Trung bình
14	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	NHTMCP Quy mô Trung bình
15	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
16	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	NHTMCP Quy mô Trung bình
17	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	NHTMCP Quy mô Trung bình
18	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	NHTMCP Quy mô Trung bình
19	ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	NHTMCP Quy mô nhỏ
20	BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	NHTMCP Quy mô nhỏ
21	VBB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Quy mô nhỏ
22	NVB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	NHTMCP Quy mô nhỏ
23	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	NHTMCP Quy mô nhỏ
24	BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt	NHTMCP Quy mô nhỏ
25	KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	NHTMCP Quy mô nhỏ
26	PGB	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	NHTMCP Quy mô nhỏ
27	SGB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	NHTMCP Quy mô nhỏ

Ghi chú: (*) Theo cách thức phân loại các ngân hàng của TMR

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024	2025	Q1/2026	2026F
Tăng trưởng tín dụng	% YoY	13,7%	15,1%	19,1%	19,3%	16,0%
Biên lãi ròng (NIM)	%/năm	3,45%	3,35%	3,06%	2,95%	3,04%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	%	1,94%	1,92%	1,86%	2,00%	1,90%
Tỷ lệ chi phí trên tổng thu nhập (CIR)	%	34,3%	33,6%	32,1%	29,8%	32,0%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	% YoY	2,9%	17,7%	19,5%	13,7%	13,4%
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	1,47%	1,49%	1,49%	1,49%	1,44%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ (ROE)	%	17,0%	17,1%	17,4%	17,1%	16,5%

Nguồn: Các ngân hàng, TMR tổng hợp và dự phóng

Ghi chú: Chỉ tiêu Tăng trưởng tín dụng là số liệu của toàn hệ thống ngân hàng, các chỉ tiêu còn lại được tính trên số liệu tổng của các ngân hàng trong danh mục theo dõi

PHỤ LỤC 3: CẬP NHẬT THAY ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

Quy định	Các điểm chính	Ảnh hưởng
Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 22/2019 - chuyển khung an toàn thanh khoản sang chuẩn Basel III (LCR, NSFR, LEV, CDR)	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng theo lộ trình từ 2028: (i) LCR (70%→100% giai đoạn 2028–2031); (ii) NSFR (90%→100% giai đoạn 2028–2030); (iii) LEV (Vốn cấp 1/Tổng trạng thái rủi ro $\geq 3\%$); (iv) CDR thay LDR trong giai đoạn chuyển tiếp. - CDR loại trừ tiền gửi liên ngân hàng và bổ sung 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước vào huy động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro chính ở CDR do loại vốn liên ngân hàng trong huy động, CDR ước tính cao hơn LDR ở các ngân hàng; nhiều ngân hàng vượt trần 85%. - Các NHTMNN và ngân hàng có CASA cao (VCB, MBB, TCB) ít bị ảnh hưởng hơn. Nhóm NHTM có CASA thấp, phụ thuộc vốn liên ngân hàng và LDR cao chịu áp lực. - Các ngân hàng cần phải đẩy mạnh CASA, kéo dài kỳ hạn huy động và tăng nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao.
Thông tư 08/2026/TT-NHNN - cho phép tính lại 20% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vào LDR, nới dư địa cho vay cho nhóm NHTMNN	<ul style="list-style-type: none"> - Tính 20% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN vào tổng huy động khi tính LDR. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hưởng lợi chính: nhóm NHTMNN (VCB, BID, CTG) nắm ~99% tiền gửi KBNN; giảm LDR khoảng 1,1–1,5%, bổ sung dư địa cho vay. - Nhóm NHTMCP gần như không bị tác động khi tỷ trọng số dư tiền gửi KBNN thấp.

Nguồn: TMR tổng hợp

PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG NĂM 2026

Ngân hàng	Tăng trưởng tín dụng (%YoY)	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tăng trưởng LNTT (%YoY)
MBB	30,0%	≤1,5%	15,0%
VPB	34,0%	<2,5%	35,0%
TCB	12%	KB1: <1,5%; KB2: <2,0%	KB1: 15%; KB2: 7,6%
ACB	16,0%	<2%	14,0%
SHB	KB1: 10,2%; KB2: 16,0%	≤2%	KB1: 18%; KB2: 28%
STB	12,0%	<4,5%	6,0%
HDB	37,0%	≤2%	41,0%
VIB	15,0%	<3%	27,0%
LPB	11,7%	<3%	5,0%
TPB	15,0%	<2,5%	12,0%
SSB	17,0%	<3%	3,0%
MSB	18,0%	<3%	13,0%
NAB	21,0%	<2,5%	18,0%
OCB	15,0%	<3%	39,0%
EIB	16,5%	<2,5%	0,2%

Nguồn: Các ngân hàng, TMR tổng hợp

Ghi chú: Kế hoạch kinh doanh 2026 các NHTM Nhà nước (BID, CTG, VCB) theo phê duyệt của NHNN

Thông tin liên hệ

Khối Nghiên cứu và Phân tích

Nguyễn Anh Duy

Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
duyna@tmr.vn

Lại Thế Ngọc

Phó Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
ngoclt@tmr.vn

Nguyễn Duy Tùng

Phó Trưởng phòng
Khối Định chế Tài chính
tungnd@tmr.vn

Trần Thu Hà

Chuyên viên cao cấp
Khối Định chế Tài chính
hatt@tmr.vn

Nguyễn Chí Dũng

Chuyên viên
Khối Định chế Tài chính
dungnc@tmr.vn

Vũ Trọng Hiếu

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
hieuvt@tmr.vn

Phạm Hương Giang

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
giangph@tmr.vn

Vũ Thị Tuyết Mai

Chuyên viên cao cấp
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
maivtt@tmr.vn

Xếp hạng tín nhiệm (“XHTN”) của Thiên Minh Rating là những ý kiến về rủi ro tín dụng tương đối trong tương lai của một tổ chức phát hành hoặc một tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm. XHTN sẽ đánh giá các rủi ro cơ bản theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2014 của chính phủ Việt Nam) về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm tùy từng thời điểm, xếp hạng tín nhiệm không giải quyết bất kỳ rủi ro nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở rủi ro thanh khoản, rủi ro giá trị thị trường hoặc biến động giá cả.

Kết quả XHTN mang tính dự báo và dựa trên các giả định về diễn biến trong tương lai, do đó không thể được xác minh hoàn toàn tại thời điểm công bố. Ngay cả khi dữ liệu hiện tại đã được xác minh, kết quả xếp hạng vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi các sự kiện hoặc yếu tố không lường trước.

Báo cáo XHTN, các đánh giá, ý kiến và tài liệu phát hành của Thiên Minh Rating không phải là tư vấn đầu tư tài chính và không bao hàm, ám chỉ hay hướng dẫn bất kỳ ai trong việc mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu, vốn góp hay công cụ nợ nào. Xếp hạng tín nhiệm cũng không đánh giá tính hợp lý của giá thị trường, sự phù hợp của công cụ nợ với nhà đầu tư cụ thể, hay các vấn đề liên quan khác. Thiên Minh Rating không tham gia vào hoạt động tư vấn phát hành, quản lý rủi ro, bảo lãnh phát hành hay phân phối với tổ chức được xếp hạng tín nhiệm hay tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm.

Khi đưa ra báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác, TMR dựa trên dữ liệu thực tế nhận được từ khách hàng, các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin hợp pháp khác. TMR có thể tiến hành nhưng không bắt buộc quy trình đánh giá và xác minh thông tin được cung cấp. Tuy nhiên, mức độ đánh giá và xác minh của TMR thay đổi tùy theo bản chất của tổ chức phát hành hay công cụ nợ được xếp hạng, yêu cầu phân tích, đánh giá, thẩm định đầu tư, yêu cầu pháp lý, tính minh bạch của thông tin công khai, khả năng tiếp cận ban lãnh đạo và các xác minh từ bên thứ ba như báo cáo kiểm toán, báo cáo thẩm định, báo cáo kỹ thuật, ý kiến pháp lý và các tài liệu liên quan khác. TMR không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ tuyệt đối của tất cả thông tin sử dụng trong quá trình xếp hạng hoặc lập báo cáo. Trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin thuộc về tổ chức phát hành trong các tài liệu công bố.

TMR không cam kết rằng báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của người đọc. Xếp hạng của TMR là ý kiến về mức độ tín nhiệm của một tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ. Ý kiến này và các báo cáo khác của TMR dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá được thiết lập và TMR liên tục đánh giá, cập nhật phương pháp đó. Do đó, báo cáo xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác là sản phẩm của TMR mà không có một cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào chịu trách nhiệm duy nhất về một báo cáo cụ thể này. Tất cả các báo cáo của TMR đều có sự đóng góp của nhiều tác giả. Một báo cáo xếp hạng tín nhiệm của TMR không phải là bản cáo bạch và không thay thế thông tin mà tổ chức phát hành cung cấp cho nhà đầu tư khi bán công cụ nợ.

Văn bản này, bao gồm tất cả nội dung, phân tích và tài liệu được trình bày ở đây, là tài sản độc quyền của Thiên Minh Rating và được bảo vệ bởi luật bản quyền hiện hành. Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong và đối với báo cáo và nội dung của nó, bao gồm nhưng không giới hạn ở văn bản, đồ họa, dữ liệu và các tài sản trí tuệ khác, đều thuộc sở hữu hoặc cấp phép của Thiên Minh Rating. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép, phân phối hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm sao chụp, ghi âm hoặc lưu trữ điện tử, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Thiên Minh Rating. Việc sử dụng, sao chép hoặc phân phối trái phép báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo này đều bị cấm và có thể vi phạm luật bản quyền, nhãn hiệu hoặc luật sở hữu trí tuệ khác. Bất kỳ việc sử dụng hoặc sửa đổi trái phép nội dung của báo cáo đều có thể dẫn đến hành động pháp lý. Tất cả các nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ và logo được sử dụng trong báo cáo này là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.